

THẨM ĐỊNH CƯỜNG, DỰ TOÁN CHI TIẾT & THUÊ KẾ HOẠCH DỊCH VỤ CNTT

NỘI DUNG



1 **Thẩm định đề cương và dự toán chi tiết**

2 **Thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ**

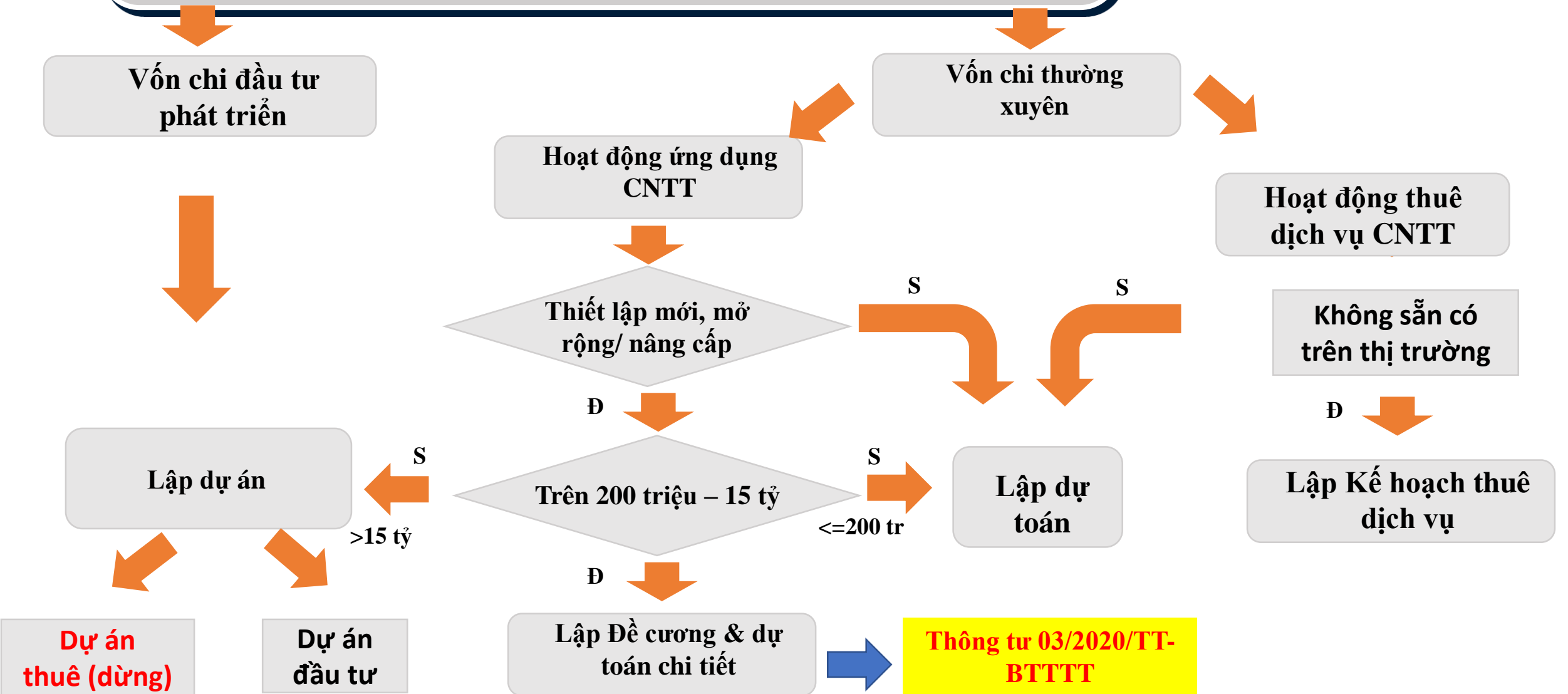
3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)



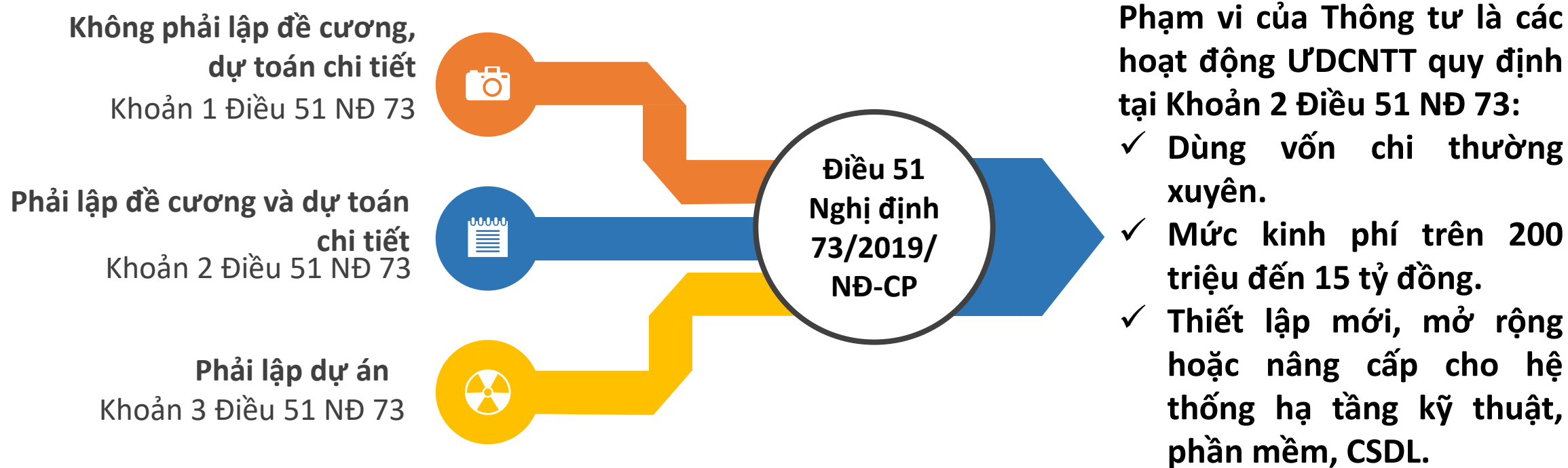
**THẨM ĐỊNH ĐỀ
CƯƠNG DỰ TOÁN
CHI TIẾT**

TỔNG QUAN CHUNG VỀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN PHÙ HỢP VỚI NGUỒN VỐN

Phạm vi điều chỉnh của Nghị định 73/2019/NĐ-CP



NỘI DUNG 1: PHẠM VI LẬP ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT



Khắc phục hạn chế của Thông tư 21 trước đây:

1. Nâng mức kinh phí tối đa đến 15 tỷ đồng. Trước đây là 03 tỷ đồng.
2. Mở rộng phạm vi bao gồm cả hoạt động “thiết lập mới”. Trước đây không có.

NỘI DUNG 2: NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT

ĐỀ CƯƠNG

- Thông tin chung;
- Sự cần thiết thực hiện (hiện trạng, mục tiêu, quy mô, yêu cầu, nhu cầu, sự cần thiết thực hiện);
- Thuyết minh phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ được đề xuất (phân tích giải pháp, lựa chọn giải pháp; thuyết minh các yêu cầu PMNB: Điều 18, 27 NĐ 73; Xây lắp, lắp đặt...);
- Các mốc thời gian, tiến độ thực hiện
- Phương án tổ chức quản lý thực hiện, đưa vào vận hành, khai thác
- Đề xuất kiến nghị.

DỰ TOÁN CHI TIẾT

- Chi phí xây lắp
- Chi phí thiết bị
- Chi phí quản lý
- Chi phí tư vấn
- Chi phí khác
- Chi phí dự phòng

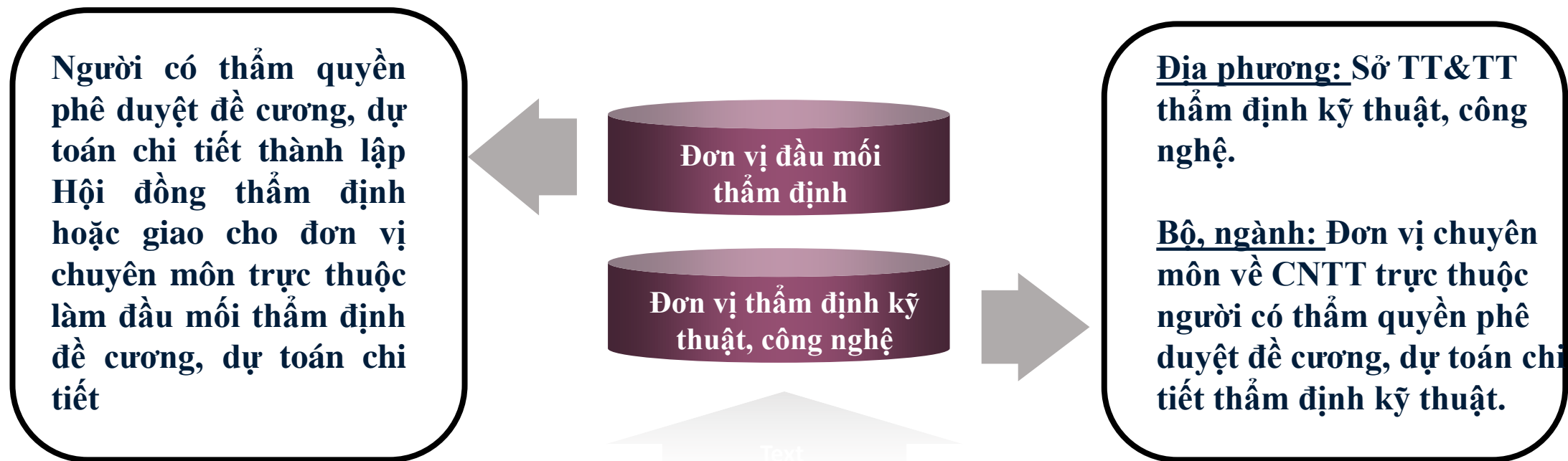
NỘI DUNG 2: NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT

Cơ sở lập dự toán chi tiết

1. Các văn bản hướng dẫn lập dự toán NSNN hàng năm của Bộ Tài chính và các cơ quan tài chính.
2. Các văn bản về định mức, đơn giá, mức chi.
 - Định mức, đơn giá, mức chi của Bộ Tài chính, Bộ TTTT
 - Định mức, đơn giá ban hành theo quy định của NĐ 73.
3. Các văn bản hướng dẫn về quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT theo quy định của NĐ 73 (TT04).
4. Báo giá, thông báo giá hoặc phương pháp khác.

NỘI DUNG 3: THẨM ĐỊNH ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT

Thẩm quyền thẩm định đề cương và dự toán chi tiết



Nếu đơn vị thẩm định kỹ thuật vừa là đơn vị sử dụng ngân sách thì hoặc:

➤ **Đơn vị đó thành lập Hội đồng thẩm định.**

➤ **Người có thẩm quyền duyệt đề cương, dự toán chi tiết giao cho đơn vị chuyên môn khác trực thuộc thẩm định.**

NỘI DUNG 3: THẨM ĐỊNH ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT

Nội dung thẩm định

1. Thẩm định phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ.
 - ✓ Sự phù hợp của việc lựa chọn phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ.
 - ✓ Sự phù hợp của phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ với các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng và các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật.
 - ✓ Sự phù hợp của phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ trong việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, CSDL liên quan
2. Sự phù hợp của việc áp dụng, vận dụng các định mức, đơn giá, các chế độ, chính sách có liên quan và các khoản mục chi phí đã quy định có liên quan đến các chi phí nêu tại dự toán chi tiết.
3. Sự phù hợp giữa khối lượng thuyết minh nêu trong đề cương với khối lượng trong dự toán chi tiết.
4. Các nội dung khác của đề cương và dự toán chi tiết.

NỘI DUNG 3: THẨM ĐỊNH ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT



1. Đơn vị đầu mỗi thẩm định được phép thuê tư vấn thẩm tra đề cương và dự toán chi tiết. Định mức chi phí tư vấn thẩm tra xác định theo Quyết định 1688/QĐ-BTTTT.
2. Nếu trường hợp đơn vị đầu mỗi thẩm định cũng đồng thời là đơn vị thẩm định kỹ thuật thì không phải làm riêng 2 báo cáo thẩm định mà được gộp vào 1 báo cáo thẩm định chung.
3. Thời gian thẩm định tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, bao gồm cả thời gian thẩm định kỹ thuật và thời gian lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, chuyên gia.

NỘI DUNG 4: PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT



1. Thẩm quyền phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết được xác định theo phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị.
2. Thời gian phê duyệt không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ phê duyệt.
3. Đề cương và dự toán chi tiết được phê duyệt đồng thời, không tách riêng đề cương với dự toán chi tiết.

NỘI DUNG 4: PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG VÀ DỰ TOÁN CHI TIẾT

Điều chỉnh đề cương và dự toán chi tiết

TỰ ĐIỀU CHỈNH

Điều chỉnh không làm thay đổi giải pháp kỹ thuật, công nghệ cần tuân thủ, quy mô, mục tiêu ban đầu và không làm vượt dự toán chi tiết đã được duyệt

TRÌNH NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH

- Điều chỉnh làm thay đổi giải pháp kỹ thuật, công nghệ cần tuân thủ, quy mô, mục tiêu ban đầu
- Điều chỉnh làm vượt dự toán chi tiết được duyệt.
- Hồ sơ, thủ tục, thời gian thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thực hiện như bước duyệt ban đầu.
- Nếu điều chỉnh làm thay đổi mức kinh phí lên trên 15 tỷ đồng thì phải thực hiện lại các thủ tục đầu tư theo quy định tại K3 Điều 51 ND 73.

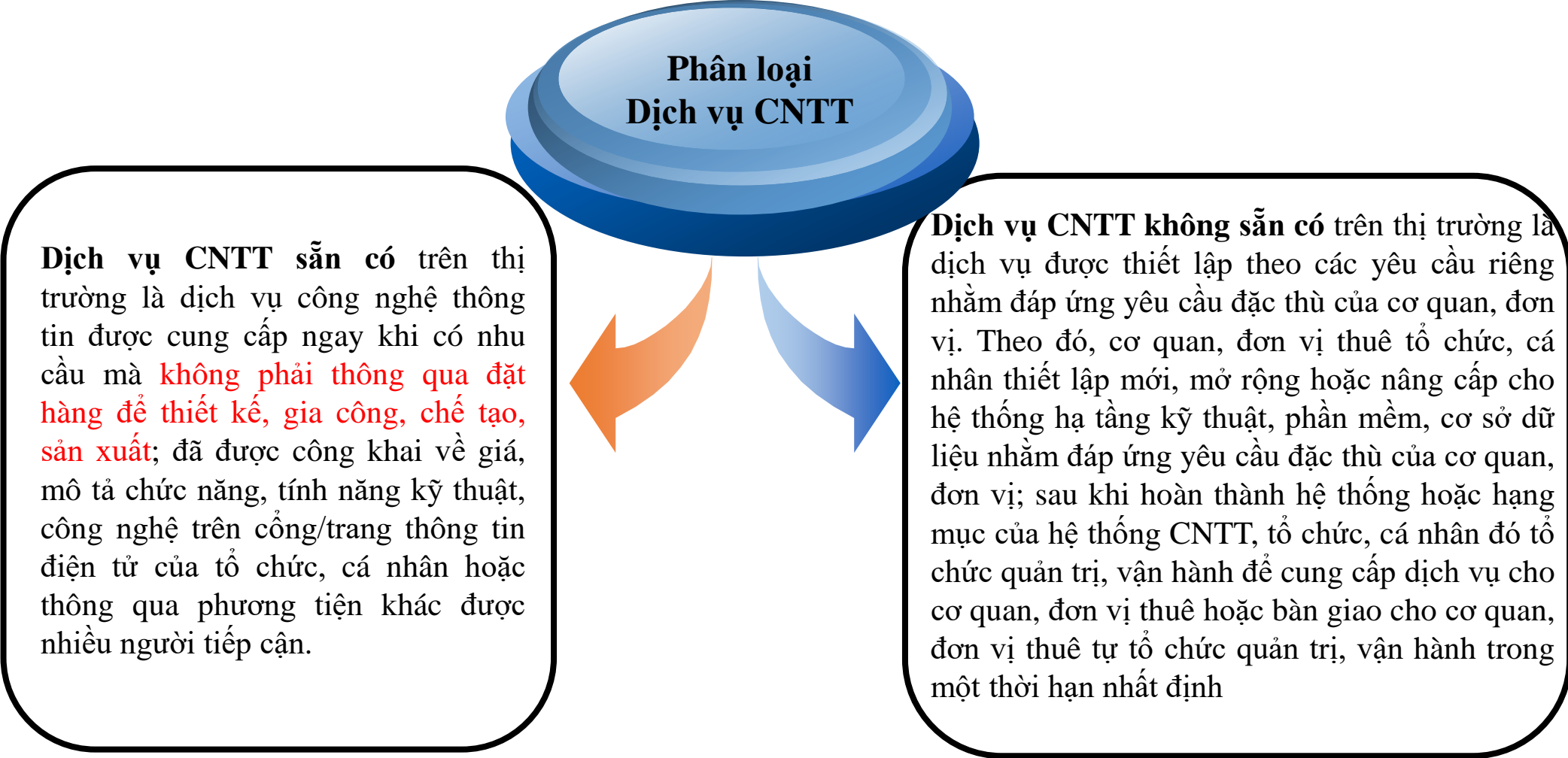
3.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN (chuẩn bị đầu tư)



**THẨM ĐỊNH KẾ
HOẠCH THUÊ DỊCH
VỤ**

Thẩm định Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Phân loại Dịch vụ CNTT

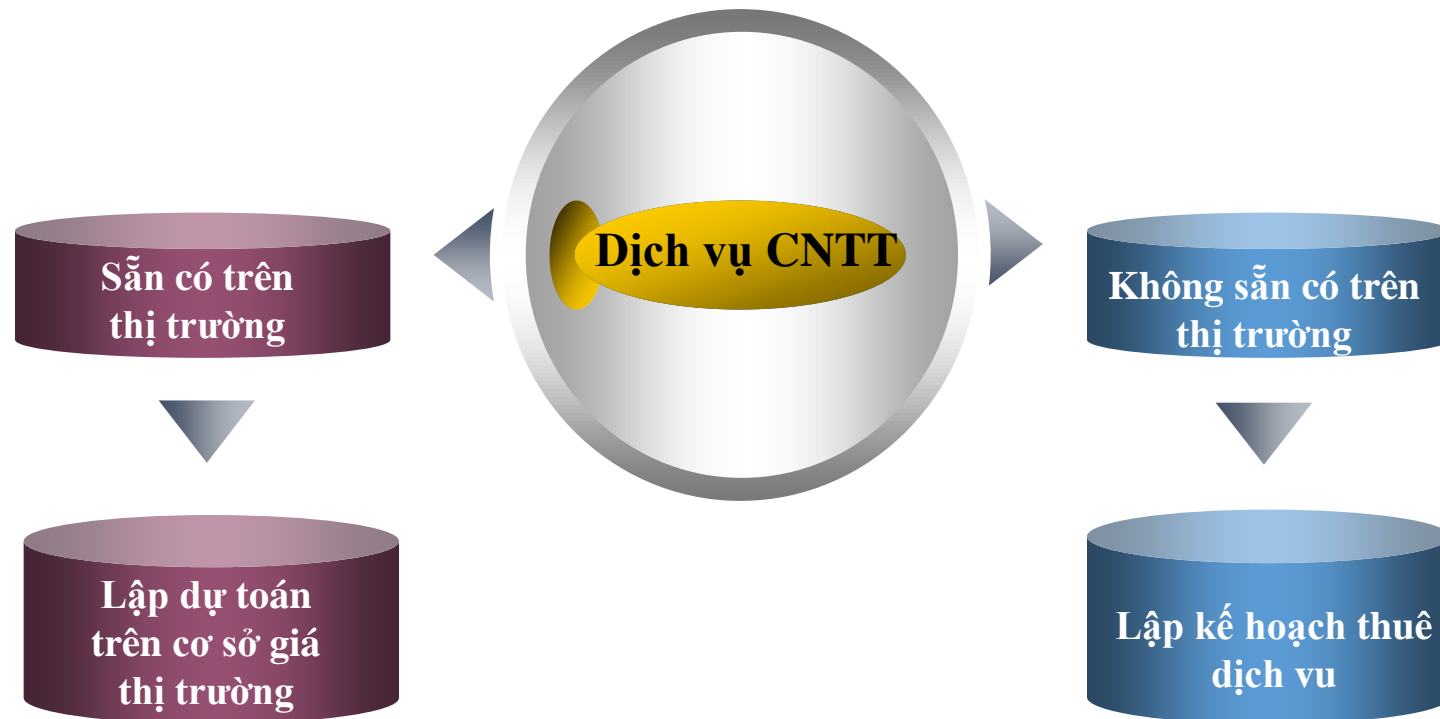


Dịch vụ CNTT sẵn có trên thị trường là dịch vụ công nghệ thông tin được cung cấp ngay khi có nhu cầu mà **không phải thông qua đặt hàng để thiết kế, gia công, chế tạo, sản xuất**; đã được công khai về giá, mô tả chức năng, tính năng kỹ thuật, công nghệ trên công/trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc thông qua phương tiện khác được nhiều người tiếp cận.

Dịch vụ CNTT không sẵn có trên thị trường là dịch vụ được thiết lập theo các yêu cầu riêng nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của cơ quan, đơn vị. Theo đó, cơ quan, đơn vị thuê tổ chức, cá nhân thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của cơ quan, đơn vị; sau khi hoàn thành hệ thống hoặc hạng mục của hệ thống CNTT, tổ chức, cá nhân đó tổ chức quản trị, vận hành để cung cấp dịch vụ cho cơ quan, đơn vị thuê hoặc bàn giao cho cơ quan, đơn vị thuê tự tổ chức quản trị, vận hành trong một thời hạn nhất định

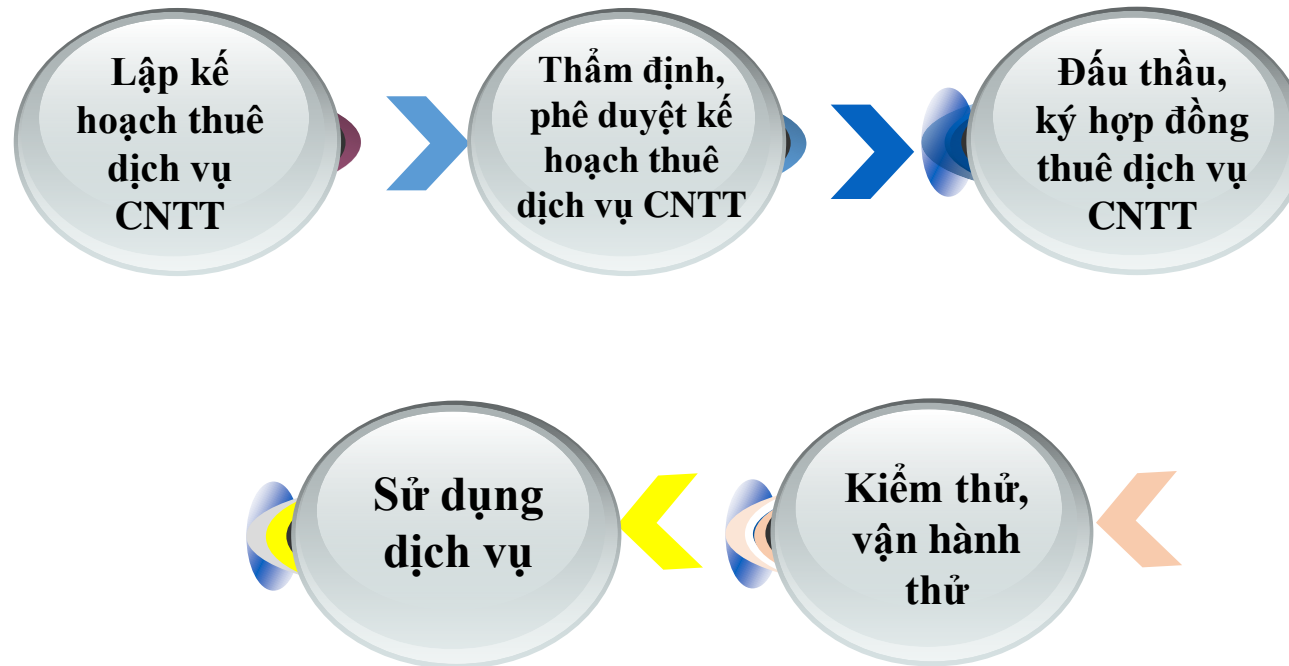
4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Quy trình thực hiện



4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Quy trình thực hiện thuê dịch vụ CNTT không sẵn có trên thị trường



4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Lập kế hoạch thuê	Chủ trì thuê (đơn vị sử dụng ngân sách được giao nhiệm vụ thuê dịch vụ)
Thẩm định kế hoạch thuê	Đơn vị chuyên môn trực thuộc cấp có thẩm quyền phê duyệt
Phê duyệt kế hoạch thuê	Cấp có thẩm quyền (thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định)
Tổ chức lựa chọn, ký kết hợp đồng	Chủ trì thuê tổ chức đấu thầu, ký kết hợp đồng
Kiểm thử, vận hành thử	Chủ trì thuê tự kiểm thử hoặc thuê tổ chức, cá nhân kiểm thử độc lập
Sử dụng dịch vụ	Chủ trì thuê sử dụng dịch vụ

4.2 Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Nội dung kế hoạch thuê

- ✓ Hiện trạng, sự cần thiết thuê dịch vụ
- ✓ Các hạng mục chính cần thuê; mục tiêu, nội dung và quy mô, phạm vi, địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ.;
- ✓ Xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin; yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ; yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác; mô tả yêu cầu cần đáp ứng của phần mềm nội bộ; yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu và các yêu cầu khác;
- ✓ Thời gian thuê và tiến độ, thời gian xây dựng, phát triển, hình thành dịch;
- ✓ Yêu cầu về các phát sinh trong quá trình khai khác, sử dụng dịch vụ;
- ✓ Dự toán thuê dịch vụ .



4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Dự toán thuê dịch vụ

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Phương pháp xác định
I	Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin	Gct	Phương pháp so sánh; phương pháp chuyên gia; phương pháp lấy báo giá thị trường; phương pháp tính chi phí; kết hợp các phương pháp
II	Chi phí quản lý	Gql	
III	Chi phí tư vấn	Gtv	Lập dự toán hoặc theo định mức chi phí theo tỷ lệ.
IV	Chi phí khác	Gck	
V	Chi phí dự phòng	Gdp	Dự phòng cho khối lượng phát sinh.
	TỔNG CỘNG	$G = Gct + Gql + Gtv + Gck + Gdp$	

4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Trình tự, hồ sơ, thời gian, nội dung thẩm định kế hoạch thuê

Trình tự thẩm định kế hoạch thuê

- ✓ Đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định kế hoạch thuê.
- ✓ Đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định lấy ý kiến đơn vị có chuyên môn về CNTT.

Nội dung thẩm định kế hoạch thuê

- ✓ Sự phù hợp của các nội dung trong kế hoạch thuê theo quy định
- ✓ Tính đầy đủ, hợp lý và phù hợp với yêu cầu thực tế của các khoản mục chi phí trong dự toán thuê dịch vụ

Hồ sơ trình thẩm định kế hoạch thuê

- ✓ Tờ trình thẩm định kế hoạch thuê theo mẫu.
- ✓ Kế hoạch thuê.
- ✓ Các văn bản khác có liên quan.

Thời gian thẩm định kế hoạch thuê

- ✓ Không quá 30 ngày kể từ ngày từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ)

4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

Các trường hợp điều chỉnh kế hoạch thuê



Yêu cầu phát sinh về chất lượng, số lượng dịch vụ cần thuê, thay đổi thời gian thuê làm tăng hoặc giảm chi phí



Yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn



Yếu tố bất khả kháng



Chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT điều chỉnh có ảnh hưởng trực tiếp tới phạm vi, nội dung, quy mô, mục tiêu của kế hoạch thuê.

Thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch thuê

Chủ trì thuê

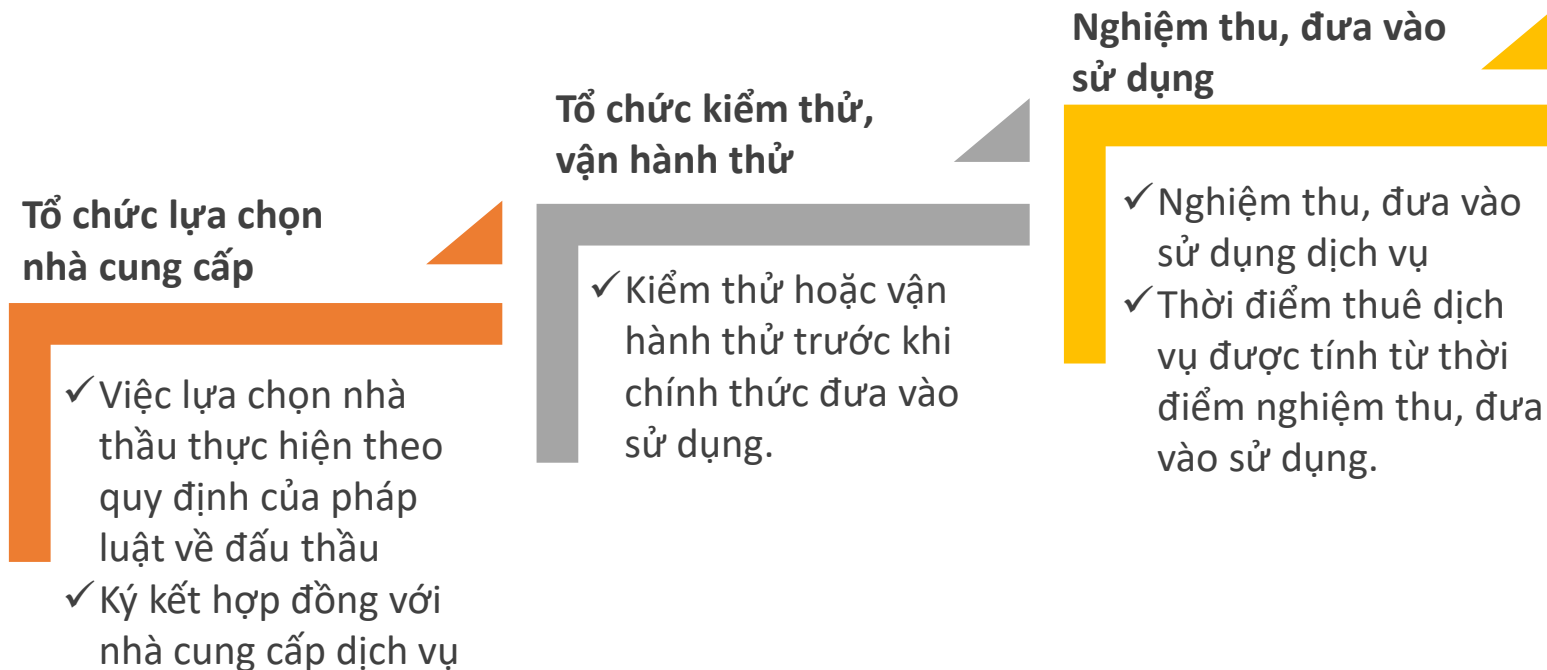
Cấp có thẩm quyền

✓ Điều chỉnh không làm thay đổi mục tiêu, quy mô; không vượt dự toán đã được phê duyệt.

✓ Điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, quy mô hoặc vượt dự toán đã được phê duyệt.

4.2. Thuê dịch vụ CNTT sử dụng nguồn chi thường xuyên

- Triển khai kế hoạch thuê dịch vụ được duyệt



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

